

Số: 2225/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 07 tháng 9 năm 2018

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH MTV Danh Dự, khai thác nguồn nước dưới đất, công trình Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì tại ấp Tân Lập, xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên – Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Giấy phép khai thác nước dưới đất số 694/GP-STNMT ngày 08/4/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH MTV Danh Dự, tại ấp Tân Lập, xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; Giấy phép số 4462/GP-STNMT ngày 07/8/2018 của Sở Tài nguyên – Môi trường cấp cho Công ty TNHH MTV Danh Dự, tại ấp Tân Lập, xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

Xét Bản kê khai tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ngày 13/8/2018 của Công ty TNHH MTV Danh Dự, tại ấp Tân Lập, xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 4693/TTr-STNMT ngày 20 tháng 8 năm 2018 về việc thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH MTV Danh Dự, khai thác nguồn nước dưới đất, công trình Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì tại ấp Tân Lập, xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH MTV Danh Dự theo Giấy phép khai thác nước dưới đất số 694/GP-STNMT ngày

08/4/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH MTV Danh Dự, tại ấp Tân Lập, xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; Giấy phép số 4462/GP-STNMT ngày 07/8/2018 của Sở Tài nguyên – Môi trường cấp cho Công ty TNHH MTV Danh Dự, tại ấp Tân Lập, xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì.
2. Mục đích sử dụng nước của công trình: khai thác nước dùng cho kinh doanh, dịch vụ (phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất của Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì).
3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: khai thác nước dùng cho kinh doanh, dịch vụ.

4. Giá tính tiền cấp quyền cho mục đích sử dụng: 8.000 đồng/m<sup>3</sup>.

5. Số tiền phải nộp:

5.1 Theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 694/GP-STNMT của Công ty được cấp ngày 08/4/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH MTV Danh Dự (trước là DNTN Danh Dự), tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tại thời điểm phê duyệt từ ngày 01/9/2017 đến ngày 06/8/2018.

Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được tính theo công thức:

$$T = W \times G \times K \times M, \text{ Trong đó:}$$

T - Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, đơn vị tính là đồng Việt Nam.

W- Sản lượng khai thác nước để tính tiền cấp quyền khai thác được quy định tại Điều 7 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP.

$W = 406.800 \text{ m}^3 = 1.200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} \times 365/365 \text{ ngày} \times 339 \text{ ngày}$ . Trong đó: 1.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm là lưu lượng khai thác lớn nhất quy định trong Giấy phép khai thác; 365/365 ngày là chế độ khai thác trong năm; 339 ngày là thời gian tính tiền.

$G = 8.000 \text{ đồng/m}^3$  (Giá thuế tài nguyên quy định tại Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND).

$K = 1,4$  (Hệ số điều chỉnh được quy định tại Điều 9 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP). Cụ thể:  $K = 1 + (K1 + K2 + K3)$ . Trong đó:  $K1 = 0,3$  (Hệ số chất lượng nguồn nước khai thác quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP);  $K2 = 0$  (Hệ số loại nguồn nước khai thác quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP);  $K3 = 0,1$  (Hệ số điều kiện khai thác quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP).

$M = 2\%$  (Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Phụ lục I Nghị định số 82/2017/NĐ-CP).

$$T_1 = 1.200 \times 339 \times 8.000 \times 1,4 \times 2\% = 91.123.200 \text{ đồng.}$$

5.2 Theo Giấy phép số 4462/GP-STNMT ngày 07/8/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH MTV Danh Dự, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tại thời điểm phê duyệt từ ngày 07/8/2018 đến ngày 07/8/2023:



Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được tính theo công thức:

$$T = W \times G \times K \times M, \text{ Trong đó:}$$

T - Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, đơn vị tính là đồng Việt Nam.

W- Sản lượng khai thác nước để tính tiền cấp quyền khai thác được quy định tại Điều 7 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP.

$W = 1.642.500 \text{ m}^3 = 900 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} \times 365/365 \text{ ngày} \times 1.825 \text{ ngày}$ . Trong đó: 900 m<sup>3</sup>/ngày đêm là lưu lượng khai thác lớn nhất quy định trong Giấy phép khai thác; 365/365 ngày là chế độ khai thác trong năm; 1.825 ngày là thời gian tính tiền.

$G = 8.000 \text{ đồng/m}^3$  (Giá thuế tài nguyên quy định tại Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND).

$K = 1,4$  (Hệ số điều chỉnh được quy định tại Điều 9 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP). Cụ thể:  $K = 1 + (K1 + K2 + K3)$ . Trong đó:  $K1 = 0,3$  (Hệ số chất lượng nguồn nước khai thác quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP);  $K2 = 0$  (Hệ số loại nguồn nước khai thác quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP);  $K3 = 0,1$  (Hệ số điều kiện khai thác quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP).

$M = 2\%$  (Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Phụ lục I Nghị định số 82/2017/NĐ-CP).

$$T_2 = 900 \times 1.825 \times 8.000 \times 1,4 \times 2\% = 367.920.000 \text{ đồng.}$$

6. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước Công ty TNHH MTV Danh Dự phải nộp:

$$T = T_1 + T_2 = 91.123.200 + 367.920.000 = 459.043.200 \text{ đồng.}$$

(Ghi bằng chữ: Bốn trăm năm mươi chín triệu không trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm đồng).

7. Phương án nộp tiền:

7.1 Theo Giấy phép khai thác nước dưới đất số 694/GP-STNMT ngày 08/04/2013: Nộp một lần, vào năm 2018. Số tiền phải nộp là: 91.123.200 đồng.

7.2. Theo Giấy phép khai thác nước dưới đất số 4462/GP-STNMT ngày 07/8/2018 đến 07/8/2023. Số tiền phải nộp là: 367.920.000 đồng. Trong đó được phân ra từng năm. Số tiền nộp mỗi năm (từ năm 2018 đến năm 2022) là: 73.584.000 đồng.

- Phương án nộp tiền hằng năm: Công ty lựa chọn phương án nộp tiền vào cuối mỗi tháng.

- Số tiền phải nộp mỗi lần vào cuối mỗi tháng: 6.132.000 đồng.

8. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền thực hiện theo Thông báo của Cục thuế tỉnh Tây Ninh.

**Điều 2.** Công ty TNHH MTV Danh Dự có trách nhiệm nộp tiền theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh Tây Ninh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh, Giám đốc Công ty TNHH MTV Danh Dự và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** *Handwritten mark*

- Tổng cục ĐC&KSVN;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN-MT;
- Cục Thuế Tỉnh;
- Công ty TNHH MTV Danh Dự;
- UBND TPTN;
- LĐVP, CVKTN;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

(H. 23. QĐ tịch cấp quyền Cty TNHH MTV Danh Dự  
Đang 8/2018 KS)

14

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Handwritten signature*  
**Nguyễn Thanh Ngọc**